



Tìm tỉ lệ và đơn vị tỉ lệ của mỗi câu.

Câu trả lời

Vd) 7 túi có 343 lon

343:749

lon mỗi cái túi

Vd. 343:7 49

1) 13 áo sơ mi với giá 39 đô la

USD mỗi áo sơ mi

1. _____

2) Bể 4 với 176 cá

cá mỗi xe tăng

2. _____

3) 456 điểm để đánh bại 57 kẻ thù

điểm mỗi kẻ thù

3. _____

4) 11 CD có 165 bài hát

bài hát mỗi đĩa CD

4. _____

5) 80 lít nước trái cây trong 4 thùng
chứa

panh mỗi thùng đựng
hàng

5. _____

6) 81 khách hàng trong 9 lần thanh toán

khách hàng mỗi lần
đường

6. _____

7) 5 giờ để lái xe 250 dặm

dặm mỗi giờ

7. _____

8) 8 khay có 96 đá viên

khối nước đá mỗi cái
mâm

8. _____

9) Bộ điều khiển trò chơi 3 có các nút 21

nút mỗi người điều
khiển

9. _____

10) 5 phút để nhập 415 từ

từ mỗi phút

10. _____

11) 36 cm tuyết sau 2 giờ

cm mỗi giờ

11. _____

12) 8 xe chở thư có 72 túi thư

túi mỗi xe tải

12. _____

13) 3 lớp học với 90 sinh viên

sinh viên mỗi lớp

13. _____

14) 272 đô la để cắt cỏ 8

USD mỗi cừu con

14. _____

15) 7 vỏ điện thoại di động với giá 77 đô
la

USD mỗi che

15. _____



Tìm tỉ lệ và đơn vị tỉ lệ của mỗi câu.

Vd) 7 túi có 343 lon

343:749

lon mỗi cái túi

1) 13 áo sơ mi với giá 39 đô la

39:133

USD mỗi áo sơ mi

2) Bể 4 với 176 cá

176:444

cá mỗi xe tăng

3) 456 điểm để đánh bại 57 kẻ thù

456:578

điểm mỗi kẻ thù

4) 11 CD có 165 bài hát

165:1115

bài hát mỗi đĩa CD

5) 80 lít nước trái cây trong 4 thùng
chứa80:420panh mỗi thùng đựng
hàng

6) 81 khách hàng trong 9 lần thanh toán

81:99khách hàng mỗi lần
đường

7) 5 giờ để lái xe 250 dặm

250:550

dặm mỗi giờ

8) 8 khay có 96 đá viên

96:812khối nước đá mỗi cái
mâm

9) Bộ điều khiển trò chơi 3 có các nút 21

21:37nút mỗi người điều
khiển

10) 5 phút để nhập 415 từ

415:583

từ mỗi phút

11) 36 cm tuyết sau 2 giờ

36:218

cm mỗi giờ

12) 8 xe chở thư có 72 túi thư

72:89

túi mỗi xe tải

13) 3 lớp học với 90 sinh viên

90:330

sinh viên mỗi lớp

14) 272 đô la để cắt cỏ 8

272:834

USD mỗi cừu con

15) 7 vỏ điện thoại di động với giá 77 đô
la77:711

USD mỗi che

Câu trả lời

Vd. 343:7 491. 39:13 32. 176:4 443. 456:57 84. 165:11 155. 80:4 206. 81:9 97. 250:5 508. 96:8 129. 21:3 710. 415:5 8311. 36:2 1812. 72:8 913. 90:3 3014. 272:8 3415. 77:7 11